

# Miembros de la familia en vietnamita

## Miembros de la familia directa en vietnamita

esposa	vợ
marido	chồng
madre	má
padre	cha
hija	con gái
hijo	con trai
abuelo (padre)	ông nội
abuelo (madre)	ông ngoại
hermano mayor	anh trai
hermano menor	em trai
hermana mayor	chị gái
hermana menor	em gái



[www.flashcardo.com/es/tarjetas-didacticas-vietnamita/](http://www.flashcardo.com/es/tarjetas-didacticas-vietnamita/)

## Miembros del resto de la familia en vietnamita

tía	cô
tío	chú
primo	anh họ
prima	chị họ
sobrina	cháu gái
sobrino	cháu trai
nieto (masculino)	cháu trai



[www.pinhok.com/es/aprender-vietnamita/](http://www.pinhok.com/es/aprender-vietnamita/)

## Otras palabras relacionadas con la familia en vietnamita

nuera	con dâu
yerno	con rể
cuñado	anh rể / em rể
cuñada	chị dâu / em dâu
suegro	bố chồng / bố vợ
suegra	mẹ chồng / mẹ vợ
padres	cha mẹ
suegros	bố mẹ chồng / bố mẹ vợ
hermanos	anh chị em ruột
padrastra	cha dượng
madrastra	mẹ kế
hijastra	con gái riêng
hijastro	con trai riêng